

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H

Bản án số: **134/2020/HSST**
Ngày 07 tháng 8 năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Dương Thị Sen.**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Bà Đỗ Thị Hằng Huệ**

2. Ông Phùng Ngọc Toàn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Phạm Thu Hương** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận B, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố H tham gia phiên tòa: **Bà Võ Yến Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H, Tòa án nhân dân quận B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 107/2020/HSST ngày 05 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020 đối với:

* Bị cáo: **Trịnh Thị Tô L**; Năm sinh: 1976; HKTT: thôn Ph, xã Ng, huyện V, thành phố H2; Nơi ở: Không cố định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do - Học vấn: 12/12; Họ tên bố: Trịnh Đình Q (đã chết); Họ tên mẹ: Lê Thị B (sinh năm 1945); Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con cả; Họ tên chồng: Hoàng Đình C – sinh năm 1981 (đã ly hôn); Bị cáo có 03 con, con lớn 14 tuổi, con nhỏ 10 tuổi; Tiền án tiền sự: Không.

Bị cáo bị truy nã ngày 23/10/2019, đầu thú, đình nã ngày 28/02/2020. Tạm giữ từ ngày 28/2/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – CATP H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Anh Đào Xuân Th, sinh năm 1985; HKTT: thôn T, xã K, huyện G, thành phố H.

- Chị Đặng Thị Nh, sinh năm 1990; HKTT: thôn T, xã K, huyện G, thành phố H.

Anh Th, chị Nh vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Trịnh Việt H2, sinh năm 1978; Địa chỉ: phố T1 1, xã Y, huyện Y1, tỉnh Th. Anh H2 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua các mối quan hệ xã hội, Trịnh Thị Tố L quen biết với anh Đào Xuân Th (sinh năm 1985, HKTT: thôn T, xã K, huyện G, thành phố H), L tự giới thiệu tên là Tr, hiện đang là phiên dịch cho công ty xuất khẩu lao động Đ và có khả năng xin cho anh Th đi xuất khẩu lao động tại Đ. Cuối năm 2018 anh Thuỷ có nhu cầu đi xuất khẩu lao động nên chủ động nhờ L, L thông báo có thể giúp anh Th sang Đ làm tài xế ô tô cho một giám đốc tên là “Chiang” với mức lương 40-50 triệu đồng/tháng. Để lo được việc, L nói với anh Th lệ phí là 3500 đô la M, yêu cầu Thuỷ chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng mang tên “Trịnh Thị Tố L”, số tài khoản 1482205137442 tại Ngân hàng Agribank và nói đây là tài khoản của Giám đốc công ty xuất khẩu lao động. Do tin tưởng L nên anh Th đã 5 lần chuyển tiền cho L, cụ thể như sau:

- Lần 1: Khoảng 11h ngày 29/11/2018, tại quán cà phê số 23 phố Đ1, phường Đ1, quận B, anh Th chuyển vào tài khoản của Trịnh Thị Tố L số tiền: **20.920.000** đồng.

- Lần 2: Do L gọi điện thông báo phía giám đốc Đ ký Hợp đồng và đã có lịch bay vào 17h30 ngày 19/12/2018, nên khoảng 11h ngày 03/12/2018, tại khu vực trước cửa số nhà 32 phố Đ1, phường Đ1, quận B, anh Th chuyển vào tài khoản của L số tiền **25.000.000**.

- Lần 3: Khoảng 14h ngày 03/12/2018, anh Th trực tiếp đưa **10.000.000** đồng tiền mặt cho L tại ngã tư Tr, phố Ng, huyện G, thành phố H. Anh Th có yêu cầu L viết phiếu thu thì L hứa sẽ đưa sau.

- Lần 4: Khoảng 17h ngày 10/12/2018, anh Th giao cho L số tiền **6.300.000** đồng tại ngã tư Tr, phố Ng, huyện G, thành phố H.

- Lần 5: Khoảng 17h30 ngày 10/12/2018, tại quán cà phê cạnh số 44 phố Tr, phường Đ1, quận B, thành phố H anh Th chuyển vào tài khoản của L số tiền **9.000.000** đồng.

Tổng số tiền anh Th đã giao cho L là: **71.220.000** đồng (*bảy mươi một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*) (BL 201 – 203)

Ngoài ra, L nói có thể xin được cho vợ anh Th đi cùng sang làm bánh ngọt với chi phí là 1.000 đô la Mỹ nên vợ chồng anh Th bàn bạc và đồng ý chuyển tiền cho L. Ngày 10/1/2019, chị Đặng Thị Nh (sinh năm 1990, HKTT: thôn Tiên Phong, xã K, huyện G, thành phố H) - là vợ của anh Th gặp L tại cây xăng X, huyện V, tỉnh H và giao cho L số tiền **23.300.000** đồng (*hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng*) (BL 182a)

Tổng số tiền anh Th và vợ đã giao cho L là: **94.520.000** đồng (*chín mươi tư triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*).

Để tạo lòng tin với vợ chồng anh T, L ra hiệu sách (không nhớ địa chỉ) mua một tập phiếu thu, con dấu “đã nhận tiền”, sau khi nhận đủ tiền của vợ chồng anh Thuỷ thì L viết phiếu thu, tự ký tên giám đốc rồi giao cho anh Thuỷ (BL 182a – 182e)

Sau khi nhận tiền của anh Th, L khai có liên lạc với ông “Chiang” (L không nhớ địa chỉ, số điện thoại), thì ông Chiang nói không cần tuyên tài xế nữa. Biết không thể giúp được anh Th nhưng do thua lỗ, vay nợ nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản và tìm cách trì hoãn, kéo dài thời gian để anh Th tiếp tục chuyển tiền cho L. L dùng sim rác tự nhận là giám đốc công ty xuất khẩu lao động nhấn tin với anh Th, đồng thời in một số hợp đồng của công ty xuất khẩu lao động trên mạng và đưa cho anh Th xem, yêu cầu anh Th ký, điểm chỉ vào hợp đồng rồi L cầm về và huỷ đi. Ngoài ra, khi anh Th liên tục giục giã, L dẫn anh Th đến Cục quản lý xuất nhập Cảnh số 44 phố Tr, phường Đ1, quận B và Văn phòng đại diện Đ1 tại H (quận C, thành phố H) nói là để làm thủ tục và xin visa nhưng đều bắt anh Th đợi ở ngoài, còn L vào trong thực chất không làm thủ tục gì mà chỉ bảo anh Th tiếp tục chờ. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được của vợ chồng anh Th, L khai đã trả nợ và tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ của L gồm có:

- 01 xe máy Yamaha Nouvo màu đen, biển kiểm soát: 30K5 – 8946, số khung 215987, số máy: 215989;
- 01 điện thoại Iphone 6 màu đồng, số sim: 0927897776;

- 01 điện thoại Huawei màu xanh, số sim 0352483966 (BL 45)

Kiểm tra điện thoại Huawei màu xanh, số sim 0352483966 của L còn lưu số điện thoại của anh Th và nội dung tin nhắn giữa L và anh Th về sự việc như đã nêu trên (BL 102)

Cơ quan điều tra đã thu giữ 04 phiếu thu mang tên Đào Xuân Th, 01 phiếu thu mang tên Đặng Thị Nh và đưa đi giám định. Tại bản Kết luận giám định số 2919 ngày 14/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự kết luận: “*chữ viết phần nội dung trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) với chữ viết đứng tên Trịnh Thị Tố L trên mẫu so sánh (ký hiệu M) là chữ do cùng một người viết ra*” (BL 182a – 182e).

Xác minh tại ngân hàng Agribank, số tài khoản 1482205137442 là tài khoản mang tên Trịnh Thị Tố L, do L đăng ký mở và sử dụng (BL 245 – 253)

Sau khi khởi tố vụ án, Trịnh Thị Tố L bỏ trốn. Đến ngày 28/2/2020, L đến Công an phường Trúc Bạch đầu thú (BL 123)

Tại Cơ quan điều tra, L khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của L phù hợp lời khai người bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, L khai trước đây đã từng nhận hồ sơ xin đi xuất khẩu lao động Đ của một số người trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, sau đó L chuyển lại hồ sơ cho người khác làm thủ tục để hưởng tiền chênh lệch. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, kết quả: Có 02 trường hợp đã giao hồ sơ xin đi Đ cho L và đã làm thủ tục tại Công ty xuất khẩu lao động (không xác định được là Công ty nào), sau đó, những người này đã được đưa đi xuất khẩu lao động ổn định đến nay. Hiện, không ai có khiếu kiện gì đối với L nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Quá trình bị truy nã, L đã khắc phục cho anh Th số tiền 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*), ngoài ra L tác động nhờ em trai ruột là Trịnh Việt H2 (sinh năm 1985, HKTT: phố T, xã K, huyện G, thành phố H) khắc phục hậu quả cho anh Th số tiền 40 triệu đồng. Anh Th đã nhận và có yêu cầu L phải hoàn trả số tiền còn lại mà L đã chiếm đoạt là 19.520.000 đồng (BL 185 – 188, BL 189).

Đối với chiếc xe máy Yamaha Nouvo màu đen, biển kiểm soát: 30K5 – 8946, số khung 215987, số máy: 215989, L khai là mua lại của một người phụ nữ (không rõ lai lịch) tại H với giá 14 triệu đồng kèm đăng ký xe và giấy mua bán viết tay nhưng nay đã mất hết giấy tờ. Qua xác minh, chủ đăng ký xe là ông Ch (sinh năm 1951, HKTT: phố Ng, quận L1, thành phố H) khai bán xe cho một nam thanh niên tại Phú Lý, Hà Nam năm 2011 với giá 25 triệu đồng. Giám định số khung, số máy

của xe là số nguyên thủy, không nằm trong cơ sở dữ liệu tang vật. Cơ quan điều tra đã đăng công báo theo quy định, không có ai tranh chấp gì về quyền sở hữu chiếc xe (BL 127 – 132)

Tại bản cáo trạng số 97/CT-VKS ngày 27/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận B đã truy tố Trịnh Thị Tố L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 174 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo Trịnh Thị Tố L theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đánh giá mức độ phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã kết luận: Trịnh Thị Tố L không có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động, nhưng đã nhận lời làm thủ tục để đưa anh Đào Xuân Th và chị Đặng Thị Nh (vợ anh Th) đi Đ làm việc với tổng chi phí là 4.500 đô la. Từ khoảng cuối tháng 11/2018 đến đầu tháng 01/2019, L đã nhận và chiếm đoạt của anh Đào Xuân Th số tiền 71.220.000 đồng, của chị Đặng Thị Nh số tiền 23.300.000 đồng. Tổng số tiền L chiếm đoạt của vợ chồng anh Th, chị Nh là **94.520.000** đồng, L đã tiêu xài cá nhân hết. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c, khoản 2, Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 47, 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 30 đến 36 tháng tù.

- Xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 6 màu đồng, số sim: 0927897776; 01 điện thoại Huawei màu xanh, số sim 0352483966; trả lại cho bị cáo 01 xe máy Yamaha Nouvo màu đen, biển kiểm soát: 30K5 – 8946, số khung 215987, số máy: 215989 theo biên bản bàn giao vật chứng số 134 ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và lời nói sau cùng trước khi hội đồng xét xử vào nghị án bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tố tụng : Người bị hại là anh Đào Xuân Th và chị Đặng Thị Nh và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là anh Trịnh Việt H2 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th, chị Nh và anh H2 là đúng quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi bị cáo Trịnh Thị Tố L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người liên quan, người làm chứng, biên bản bắt giữ người, tang vật thu giữ trong vụ án, kết luận định giá cùng các tài liệu có trong hồ sơ. Dù cơ sở kết luận: Bị cáo Trịnh Thị Tố L không có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động, nhưng đã nói dối anh Đào Xuân Th và chị Đặng Thị Nh sẽ làm thủ tục để đưa anh Đào Xuân Th và chị Đặng Thị Nh (vợ anh Th) đi Đ làm việc với tổng chi phí là 4.500 đô la khiến anh Th và chị Nh tin tưởng mà giao cho bị cáo tổng số tiền là **94.520.000** đồng, trong đó 71.220.000 đồng là tiền của anh Th và 23.300.000 đồng là tiền của chị Nh. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân quận B truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội : Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân : Bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị cơ quan Công an ra quyết định truy nã, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự :

- Bằng thủ đoạn gian dối bị cáo đã chiếm đoạt của anh Th số tiền 71.220.000 đồng. Sau đó, bị cáo lại tiếp tục lừa dối chị Nh (vợ anh Th) để chiếm đoạt của chị Nh số tiền 23.300.000 đồng. Như vậy, bị cáo đã 2 lần phạm tội. Đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo và em trai bị cáo là anh Trịnh Việt H đã thay bị cáo tự nguyện bồi thường cho người người bị hại tổng số tiền 75.000.000đ. Người bị hại là anh Đào Xuân Th và chị Đặng Thị Nh đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bố của bị cáo là người có công với cách mạng và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương giải phóng hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự : Người bị hại là anh Đào Xuân Th và chị Đặng Thị Nh yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh chị số tiền 19.520.000 đồng. Đây là yêu cầu hợp pháp của anh Th, chị Nh nên cần chấp nhận. Người liên quan là anh Trịnh Việt H2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm dân sự đối với anh H2.

[7] Về xử lý vật chứng :

- Đối với chiếc điện thoại Huawei màu xanh, số sim 0352483966 và chiếc điện thoại Iphone 6 màu đồng, số sim: 0927897776; bị cáo đã dùng vào việc liên lạc với anh Th để lừa anh Th, chị Nhung. Vì vậy, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo chiếc xe máy Yamaha Nouvo màu đen, biển kiểm soát: 30K5 – 8946 số khung: 215987, số máy: 215989 nhưng cần được giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo, Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ, nhận định của Hội đồng xét xử,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo **Trịnh Thị Tố L** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”.

[1] Về hình phạt: Căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Thị Tố L 30 (Ba mươi) tháng tù giam**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/2/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại Huawei màu xanh, số sim 0352483966; 01 điện thoại Iphone 6 màu đồng, số sim: 0927897776 theo biên bản bàn giao vật chứng chứng số 134 ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc xe máy Yamaha Nouvo màu đen, biển kiểm soát: 30K5 – 8946, số khung 215987, số máy: 215989 theo biên bản bàn giao vật chứng chứng số 134 ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H nhưng được giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự : Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Bị cáo phải bồi thường cho anh Đào Xuân Th và chị Đặng Thị Nhung số tiền 19.520.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH23 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH24 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 976.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TP thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND quận B;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Công an quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Trại tạm giam số 1 thành phố H;
- UBND xã Ng, huyện V, tỉnh H2;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Dương Thị Sen